

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST
Ngày 27/02/2026
V/v kiện đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ TỈNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Hải và ông Nguyễn Ngọc Luân.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND khu vực 5 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền Trang; chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM, ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “*Kiến đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 30/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST-KDTM ngày 28/01/2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1; địa chỉ: Số E, đường L, phường P, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ là phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng). Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công H, chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của ông H: bà Hoàng Thị Diệu O, sinh năm 1983; địa chỉ: Số I, đường T, phường M, thành phố Cần Thơ; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn D); địa chỉ: Xóm M, xã H, tỉnh Hà Tĩnh (địa chỉ cũ là xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh). Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh N, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phía nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH H1 (sau đây gọi tắt là Công ty H1) kinh doanh vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt trong xây dựng. Trong quá trình kinh doanh Công ty H1

có hợp tác làm ăn với Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là công ty D) do ông Lê Thanh N làm người đại diện theo pháp luật. Công ty D chuyên thi công các công trình xây dựng.

Ngày 02/10/2019 Công ty H1 và Công ty D có ký kết hợp đồng kinh tế số 01/2019/HĐKT theo nội dung hợp đồng này Công ty H1 thực hiện việc cung ứng hàng hóa là các loại vật tư xây dựng và vật liệu xây dựng cho Công ty D để thi công ba công trình là: Trại giam C (Nhà tạm giữ Công an thành phố S); Công an huyện C và thi công sửa chữa hàng rào trụ sở Công an tỉnh S. Sau khi ký kết hợp đồng Công ty H1 đã tiến hành giao hàng tại trụ sở các công trình nêu trên.

Đến ngày 01/8/2020, hai bên tiến hành ký kết đối chiếu công nợ, phía Công ty D đã xác nhận còn nợ Công ty H1 số tiền 281.455.090đ. Sau đó Công ty H1 có liên hệ với phía Công ty D để nhắc nhở và yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng Công ty D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Công ty H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty D thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 281.455.090đ.

- Ý kiến trình bày của bị đơn:

+ Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 thì "Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật này". Theo đó, thời hiệu khởi kiện trong vụ án này được xác định là 02 năm kể từ thời điểm nguyên đơn biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Căn cứ theo thông tin mà bên nguyên đơn cung cấp xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là ngày 02/8/2020. Từ thời điểm đó đến thời điểm nguyên đơn nộp hồ sơ khởi kiện là 04 năm, vì vậy thời hiệu khởi kiện đã kết thúc, tương đương với việc phía nguyên đơn đã mất quyền khởi kiện.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nơi Công ty B có trụ sở.

Với những lý do trên, căn cứ theo quy định tại Điều 41 và Điều 150 Bộ luật Dân sự; Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết. Về yêu cầu phản tố bị đơn không có yêu cầu.

- Tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp:

+ Nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng kinh tế số 01/2019/HĐKT ngày 02/10/2019; Biên bản xác nhận công nợ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp

2200290557, đăng ký lần đầu ngày 01/8/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 18/12/2017; Bảng tổng hợp công nợ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/8/2020.

+ Bị đơn cung cấp: Văn bản ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Tài liệu do Tòa án thu thập: Yêu cầu Công an thành phố C cung cấp thông tin về việc Công ty D thực hiện thi công công trình Trại tạm giam 30/4 và sửa chữa hàng rào trụ sở Công an tỉnh S (nay thuộc Công an thành phố C); Yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cung cấp thông tin doanh nghiệp đối với Công ty TNHH D, mã số thuế: 3001742419, địa chỉ: Xóm M, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quá trình giải quyết vụ án do phía bị đơn không phối hợp, còn nguyên đơn đề nghị vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án theo quy định.

** Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 5 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, thiếu hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn D) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 số tiền 281.455.090đ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 01/8/2020.

- *Về án phí:* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn D) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo biên bản chốt công nợ ngày 01/8/2020. Các bên đều có đăng kí kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, việc bị đơn nợ nguyên đơn xuất phát từ Hợp đồng đã ký kết giữa các bên, nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về yêu cầu đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty D có trụ sở làm việc tại huyện H,

tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã H, tỉnh Hà Tĩnh) sau khi Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) thụ lý vụ án thì bị đơn có đơn đề nghị chuyển vụ án về Tòa án nơi Công ty B có trụ sở tại xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nguyên đơn có đơn yêu cầu chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án nên ngày 29/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ đã có quyết định chuyển vụ án về cho Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 281.455.090 đồng theo biên bản xác nhận công nợ ngày 01/8/2020, do đó đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại tài sản, vì vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng thời hiệu.

[1.3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ngày 28/01/2026 bị đơn vắng mặt không rõ lý do (nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt), căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ các đương sự theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn đối với bị đơn Công ty D:

Hợp đồng kinh tế số 01/2019/HĐKT ngày 02/10/2019 giữa Công ty H1 và Công ty D đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, những người tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền, đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế thì Công ty H1 đã thực hiện việc cung cấp các loại vật tư và vật liệu xây dựng theo đúng yêu cầu của Công ty D về số lượng, chủng loại cũng như chất lượng, việc cung cấp các loại vật liệu xây dựng theo từng lần, chót công nợ theo từng lần. Xuất phát từ việc thực hiện hợp đồng trên nên ngày 01/8/2020 Công ty D đã đồng ý ký vào biên bản xác nhận công nợ với số tiền Công ty D còn nợ Công ty H1 tính đến ngày 01/8/2020 là 281.455.090đ. Sau ngày xác nhận công nợ các bên vẫn thực hiện việc mua bán và đã trả tiền.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì phía bị đơn không có ý kiến phản bác quan điểm của nguyên đơn về việc tính đến ngày 01/8/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 281.455.090đ. Bị đơn chỉ yêu cầu về thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nơi Công ty B có trụ sở; còn về thời hiệu bị đơn cho rằng căn cứ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Dân Sự và Điều 319 Luật Thương mại thì nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo như nhận định ở mục[1.2] thì nguyên đơn không khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mà chỉ khởi kiện đòi lại tài sản (đòi lại số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/8/2020) thì không áp dụng thời hiệu nên yêu cầu về việc áp dụng thời hiệu của phía bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ với số tiền 281.455.090đ cho nguyên đơn.

[3] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại; Điều 117, 155, 274, 275, 280, 440 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm b mục 1.4 phần 1 danh mục lệ phí, án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn D).

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn D) phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 số tiền nợ là 281.455.090đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. *Về án phí:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn D) phải nộp số tiền 14.072.754đ, tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 số tiền 7.036.377đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng theo biên lai số 0001950 ngày 12/8/2024.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; yêu cầu người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HS, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Đạt